



GT.0000018512

YẾN VĂN ĐƯỜNG - HOÀNG DÂN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG

NGỮ VĂN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

6

TẬP MỘT

GUYÊN
C LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



TS. NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG (Chủ biên) – ThS. HOÀNG DÂN

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG NGỮ VĂN

TRUNG HỌC CƠ SỞ

6

TẬP MỘT

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2002, chúng tôi đã giới thiệu với bạn đọc bộ sách *Thiết kế bài giảng Ngữ văn 6, tập 1, 2*. Sau một thời gian ngắn phát hành, bộ sách đã được đông đảo các bạn đồng nghiệp gần xa đón nhận, sử dụng để tham khảo cho các bài soạn của mình và đã có nhiều ý kiến nhận xét, góp ý xác đáng cho bộ sách.

Để bộ sách được hoàn thiện hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu của bạn đọc khắp mọi miền đất nước, ở lần tái bản này, chúng tôi đã sửa chữa, bổ sung cho nội dung sách được đầy đủ hơn, chuẩn xác hơn.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi hết sức quán triệt phương hướng Tích hợp và đổi mới phương pháp dạy - học Ngữ văn, phát huy tính tích cực tự giác của chủ thể học sinh - nhân vật trung tâm trong quá trình học Ngữ văn, nhằm đạt 4 mục tiêu: *Tích hợp, giảm tải, tăng thực hành và gắn với thực tế*, đồng thời rèn luyện có hiệu quả 4 kỹ năng: *Đọc, nghe, nói, viết*.

Nguyên tắc Tích hợp - tìm những điểm đồng quy giữa ba phần *Văn học - Tiếng Việt và Tập làm văn* trong từng đơn vị kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành trong mỗi tiết học, bài học, được cụ thể hóa bằng nhiều biện pháp, hình thức hoạt động linh hoạt, tổ chức hướng dẫn học sinh học tập. Đó là nguyên tắc nhất quán trong quá trình biên soạn bộ sách.

Từng bài học ứng với từng tuần được thiết kế bám sát chương trình và SGK *Ngữ văn 6*.

Tập I gồm: 18 tuần, 17 bài. Mỗi bài đều gồm 4 tiết học, ứng với 3 phần: *Văn học - Tiếng Việt - Tập làm văn*.

Tập II gồm: 17 tuần, 17 bài (từ bài 18 - 34).

Từng tiết được bố cục theo trình tự:

- *Tên văn bản hoặc tên bài học*.

- *Tên thể loại, tác giả hoặc dịch giả*.

A. *Kết quả cần đạt*

B. *Thiết kế bài dạy học*

Bao gồm hệ thống hoạt động tổ chức dạy - học của giáo viên và học sinh được thiết kế và gợi ý cụ thể, tỉ mỉ với một vài phương án thực hiện trên lớp.

Trong hoạt động hướng dẫn luyện tập, ngoài các câu hỏi và bài tập trong SGK, chúng tôi soạn bổ trợ thêm một số câu hỏi, bài tập mới để giúp anh chị em giáo viên có thêm tư liệu tham khảo.

Ở tập II, có bổ sung một số nội dung mới rất thiết thực:

1. - Các bài tập bổ trợ phân tiếng Việt.

- Bài *Ôn tập cuối năm* viết kĩ giúp các giáo viên soạn bài dễ dàng hơn.

2. Phần *Tập làm văn*:

- 10 đề kiểm tra cuối học kì và cuối năm với 2 phần trắc nghiệm và tự luận, kèm theo đáp án và biểu điểm chi tiết để các giáo viên tham khảo và lựa chọn.

- Tuyển chọn một số đề bài, dàn bài chi tiết và bài viết hoàn chỉnh của học sinh (đã được sửa chữa).

3. Phần phụ lục.

Bộ sách này hoàn toàn không phải là một tập giáo án mẫu, không thể thay thế được những suy nghĩ và sáng tạo riêng của từng giáo viên.

Chúng tôi hi vọng bộ sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các thầy, cô giáo dạy môn Ngữ văn 6 trong quá trình thiết kế, soạn bài, lên lớp và nâng cao hiệu quả tiết dạy của mình. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến nhận xét, góp ý của các thầy, cô giáo và bạn đọc gần xa để sách được hoàn thiện hơn ở những lần tái bản sau.

Xin chân thành cảm ơn.

CÁC TÁC GIẢ

Tiết 1
VĂN HỌC

CON RÔNG, CHÁU TIÊN
(Truyện thuyết)

A. Kết quả cần đạt

1. Đạt điểm 1 trong mục "*Kết quả cần đạt*" (Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6, tập 1, tr.5).
2. Nắm vững mục "*Ghi nhớ*" (SGK, tr.8).
3. *Tích hợp* với phần *Tiếng Việt* ở khái niệm: *Từ đơn, từ phức, cấu tạo từ*, với phần *Tập làm văn* ở khái niệm: *Văn bản và các phương thức biểu đạt*.
4. Bước đầu rèn luyện kỹ năng: *Đọc văn bản nghệ thuật, nghe, kể tóm tắt truyện*.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV kiểm tra sự chuẩn bị sách vở của học sinh.

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

- *GV nói chậm, truyền cảm:*

Mỗi con người chúng ta đều thuộc về một dân tộc. Mỗi dân tộc lại có nguồn gốc riêng. Nguồn cội dân tộc thường được gửi gắm trong những thần thoại, truyền thuyết kì diệu. Dân tộc Kinh (Việt) chúng ta đời đời sinh sống trên dải đất hẹp và dài hình chữ S bên bờ biển Đông Thái Bình Dương, bắt nguồn từ một truyền thuyết xa xăm, huyền ảo: "*Con Rồng, cháu Tiên*".

Hoạt động 3
**HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ,
GIẢI THÍCH TỪ KHÓ**

1. Yêu cầu đọc, kể

- Rõ ràng, mạch lạc, nhấn mạnh các chi tiết kì lạ, tưởng tượng; cố gắng thể hiện hai lời đối thoại của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Giọng Âu Cơ: Lo lắng, than thở; giọng Long Quân tình cảm, ân cần, chậm rãi.
- GV đọc, kể tóm tắt một lần; HS đọc, kể toàn truyện.

2. GV kiểm tra HS, giải thích lại các chú thích

Truyền thuyết, Ngư tinh, tập quán, nòi, vô địch (SGK, tr.7).

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU CHI TIẾT

1. Giải thích cội nguồn của dân tộc Việt Nam

- GV hỏi: Lạc Long Quân, Âu Cơ là ai? Hình dáng của mỗi thần như thế nào? Nhận xét tài năng của Long Quân?
- HS phát hiện, nhận xét, phát biểu.

• **Định hướng:**

Lạc Long Quân là con trai thần Biển, vốn nòi Rồng, quen và thích sống ở dưới nước. Âu Cơ là con gái thần Nông, thuộc dòng Tiên, ưa sống trên mặt đất, trên núi cao. Chàng thì khôi ngô, nàng thì xinh đẹp. Lạc Long Quân tài năng vô địch, diệt trừ yêu quái, dạy dân làm ăn. Âu Cơ duyên dáng, dạy dân phong tục, lễ nghi.

Đó là tưởng tượng của người Việt cổ về sự kì lạ, tài năng phi thường của hai vị tổ đầu tiên của mình.

- GV tổ chức HS thảo luận về ý nghĩa chi tiết:

"Cái bọc trăm trứng nở ra trăm người con trai".

• **Định hướng:**

Chi tiết kì lạ, mang đậm chất hoang đường, nhưng rất thú vị và giàu ý nghĩa: - Nó bắt nguồn từ thực tế: rồng, rắn (bò sát) đều đẻ trứng. Tiên (chim) cũng đẻ trứng. - Từ "đồng bào" nghĩa là cùng một bọc. Tất cả mọi người Việt Nam chúng ta đều sinh ra từ trong cùng một bọc trứng

của mẹ Âu Cơ. Dân tộc Việt Nam chúng ta vốn khỏe mạnh, cường tráng, đẹp đẽ, phát triển nhanh (trăm người con trai).

Như vậy, trong tưởng tượng mộc mạc của người Việt cổ, nguồn gốc dân tộc chúng ta thật cao đẹp, là con cháu thần tiên, là kết quả của một tình yêu, một mối lương duyên Tiên - Rồng.

2. Ước nguyện muôn đời của dân tộc Việt Nam

- HS thảo luận theo nhóm ý nghĩa chi tiết Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con và chia tay nhau.

- **Định hướng:**

Nguyên nhân bắt nguồn từ thực tế: giống Rồng quen ở nước, không thể ở mãi trên cạn. Ngược lại, nòi Tiên quen sống nơi non cao, cũng không thể theo chồng vùng vẫy chốn bể khơi. Vì vậy, xa nhau là không thể tránh khỏi. Vợ chồng vốn thương yêu nhau, vì hoàn cảnh bắt buộc phải xa nhau, càng thương nhớ nhau, mong được sum họp. Đàn con đông đúc tất nhiên cũng phải chia đôi, nửa theo cha về dưới biển, nửa ở lại cùng mẹ trên rừng. Cái lõi của lịch sử là sự phát triển của cộng đồng dân tộc, đến thời điểm mở mang đất nước về hai hướng: Biển và rừng. Sự phong phú, đa dạng của các tộc người sinh sống trên đất Việt Nam, nhưng đều chung một dòng máu, chung một cha mẹ, gia đình. Lời dặn của Lạc Long Quân lúc chia tay phản ánh ý nguyện đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, gắn bó lâu bền của dân tộc Việt Nam.

- HS đọc đoạn: "*Người con trưởng... không hề thay đổi*",
- GV: Nửa cuối của truyện cho ta biết thêm điều gì về xã hội, phong tục, tập quán của người Việt cổ xưa?
- HS bàn luận, phát hiện.

- **Định hướng:**

Ta được biết thêm nhiều điều lí thú, chẳng hạn: Tên nước đầu tiên của chúng ta là "Văn Lang". Nghĩa là đất nước tươi đẹp, sáng ngời, có văn hóa (Văn), đất nước của những người đàn ông, những chàng trai khỏe mạnh, giàu có (Lang)(*). Kinh đô đầu tiên của Văn Lang đặt ở vùng Phong Châu, Bạch Hạc. Người con trai trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ lên làm vua gọi là Hùng Vương (Pò khun). Từ đó, có phong tục đời đời

^{*)} Theo GS. Lê Văn Lan: "Văn Lang nghĩa là con người". Báo "*Khoa học và Đời sống*", số 40 (1468), ra ngày thứ 6, 12/7/2002, tr. 6.

cha truyền con nối, tục truyền ngôi cho con trai trưởng... Xã hội Văn Lang thời đại Hùng Vương đã là một xã hội văn hóa dù còn sơ khai.

Hoạt động 5

HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT

1. HS nói lại nội dung mục "*Ghi nhớ*" (SGK. tr.8).
2. GV hỏi: Chi tiết hoang đường, kì ảo là gì? Vai trò của nó trong các truyền thuyết? Mối liên quan xa xôi của nó với sự thật lịch sử?
3. HS tập khái quát, trả lời.

• **Định hướng:**

Trong các truyền thuyết, thần thoại, các chi tiết hoang đường, tưởng tượng kì ảo nhất thiết phải có, không những thế, chúng còn đóng vai trò rất quan trọng. Nó tạo nên bản sắc đặc trưng của thể loại, tạo nên sự hấp dẫn đặc biệt của truyền thuyết, giải thích tự nhiên và mơ ước chinh phục, khám phá tự nhiên của con người thuở ban sơ.

Trong truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*", chi tiết kì lạ có ý nghĩa nhất là cái *bọc trăm trứng*, cái *bào thai vĩ đại* của Mẹ Âu Cơ.

Chúng ta vô cùng tự hào có một truyền thuyết rất lâu đời, rất đẹp về nguồn gốc dân tộc.

Hoạt động 6

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

1. HS tìm đọc ở nhà từ một đến ba truyền thuyết về nguồn gốc các dân tộc khác trong tập "*Truyện cổ các dân tộc ít người ở Việt Nam*" (Truyện cổ Tày, Nùng, Mèo...).
2. HS đọc thêm một đoạn thơ về cội nguồn đất nước trích trường ca "*Mặt đường khát vọng*" của Nguyễn Khoa Điềm:

"Đất là nơi Chim về
Nước là nơi Rồng ở"
3. HS tập kể lại truyền thuyết "*Con Rồng, cháu Tiên*" trong vai kể Lạc Long Quân (hoặc Âu Cơ).
4. Đọc tham khảo sách: *Đọc – hiểu văn bản tác phẩm văn chương THCS*, quyển 1, đồng tác giả Đường Văn – Hoàng Dân, NXB Đại học Sư phạm, năm 2006, tr.5 – 9.
5. HS soạn tiết tự học truyền thuyết "*Bánh chưng, bánh giầy*"./.

Tiết 2

VĂN HỌC

BÁNH CHUNG, BÁNH GIẤY

(Truyện thuyết)

(Hướng dẫn đọc thêm)

A. Kết quả cần đạt

1.2.3.4. tương tự như đối với văn bản 1, bổ sung tìm hiểu, tập phân tích nhân vật trong truyền thuyết.

B. Thiết kế bài dạy học

Hoạt động 1

TỔ CHỨC KIỂM TRA BÀI CŨ

(HÌNH THỨC: VẤN ĐÁP)

1. Kể lại truyền thuyết "Con Rồng, cháu Tiên" trong vai kẻ Lạc Long Quân (hoặc Âu Cơ). Phát biểu cảm xúc của bản thân.
2. Ý nghĩa sâu xa, lí thú của chi tiết cái bọc trăm trứng?

Hoạt động 2

DẪN VÀO BÀI

Có thể cho HS xem một đoạn băng ngắn khoảng 1- 2 phút về cảnh lễ hội làm bánh chưng, giã bánh giầy hoặc trích một đoạn phim tư liệu về cảnh chuẩn bị Tết nguyên đán của người Việt.

- GV nói lời vào bài:

"Mỗi khi tết đến, xuân về, người Việt Nam chúng ta lại nhớ tới đôi câu đối nổi tiếng và quen thuộc:

"Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh".

Bánh chưng và bánh giầy là hai thứ bánh không những rất ngon, rất bổ, không thể thiếu được trong mâm cỗ tết của dân tộc Việt Nam mà còn mang bao ý nghĩa sâu xa, lí thú. Các em có biết hai thứ bánh đó bắt nguồn từ một truyền thuyết nào từ thời vua Hùng?"

Hoạt động 3
**HƯỚNG DẪN ĐỌC, KỂ,
GIẢI THÍCH TỪ KHÓ**

1. Yêu cầu đọc, kể:

- Giọng chậm rãi, tình cảm; chú ý lời nói của Thần trong giấc mộng của Lang Liêu, giọng âm vang, lắng đọng. Giọng vua Hùng đĩnh đạc, chắc, khoẻ.
- GV và ba HS nối nhau đọc, kể toàn truyện một lần.

2. HS tóm tắt truyện

Yêu cầu ngắn, gọn nhưng đủ ý và mạch lạc.

3. Giải thích từ khó

- HS cắt nghĩa các từ: - *Lang, chứng giám, sơn hào hải vị.*
Phân biệt các từ: *Quân thân* với *quần thân*?

Hoạt động 4
HƯỚNG DẪN ĐỌC – HIỂU CHI TIẾT

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi

- GV hỏi: Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào? Điều kiện và hình thức thực hiện?
- HS phát hiện, thống kê các chi tiết.

• **Định hướng:**

- *Hoàn cảnh truyền ngôi:*
Vua đã già, giặc ngoài đã dẹp yên, thiên hạ thái bình, các con đông (20 người).
- *Tiêu chuẩn người nối ngôi:*
 - + *Nối chí vua;*
 - + *Không nhất thiết là con trưởng.*
- *Hình thức thử thách:*
Nhân ngày lễ Tiên vương, các Lang dâng lễ vật vừa ý vua cha.
- *GV nêu vấn đề:*
Luận về điều kiện và hình thức truyền ngôi của Hùng vương? Ý nghĩa mới mẻ và tiến bộ so với đương thời?
- HS thảo luận.